

BÁO CÁO THUYẾT MINH
CƠ SỞ ĐỀ XUẤT MỨC CHI KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ, ĐIỀU DƯỠNG,
THĂM ÔM, THĂM VIẾNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH
ỦY QUẢN LÝ VÀ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

I. Sắp xếp, phân loại lại các nhóm đối tượng

Tại Quy định số 2915-QĐ/TU ngày 11/9/2019 của Tỉnh ủy Bắc Kạn quy định chế độ, bảo vệ chăm sóc sức khỏe; thăm hỏi khi điều trị tại bệnh viện; chế độ viếng và tổ chức lễ tang đối với cán bộ điện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác (Quy định số 2915-QĐ/TU), đối tượng áp dụng được chia thành 5 nhóm đối tượng chính gồm: Đối tượng A1 (cán bộ cấp cao); đối tượng A; đối tượng B1; đối tượng B và đối tượng C.

Tại dự thảo Nghị quyết trình kỳ họp tháng 12 năm 2023, cơ quan chuyên môn trên cơ sở phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, căn cứ Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, Công văn số 5169-CV/BTCTW ngày 06/6/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành danh mục chức danh, chức vụ tương đương của các địa phương, Quyết định số 1084-QĐ/TU ngày 08/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương và tình hình thực tiễn địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất chia nhóm đối tượng thành 07 nhóm.

(Chi tiết so sánh nhóm đối tượng theo Quy định số 2915-QĐ/TU và dự thảo Nghị quyết theo Phụ lục số 01 kèm theo)

So với Quy định số 2915-QĐ/TU, dự thảo Nghị quyết lần này sẽ bỏ đối tượng C là “Cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức cấp phòng thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các huyện, thành phố và tương đương có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,3 trở lên” và “Đảng viên đủ 40 năm tuổi Đảng trở lên”, lý do đề xuất bỏ các đối tượng nêu trên như sau:

Theo Quy định số 2915-QĐ/TU, đối tượng C được hưởng các chế độ: Khám sức khỏe theo bảo hiểm y tế; thăm hỏi khi điều trị tại bệnh viện và chế độ thăm viếng. Việc triển khai thực hiện chế độ nêu trên do cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp quản lý cán bộ triển khai thực hiện chế độ từ nguồn kinh phí của đơn vị, ngân sách địa phương không bố trí riêng kinh phí để đảm bảo chế độ cho các đối tượng này.

Các đối tượng bổ sung so với Quy định số 2915-QĐ/TU đối với từng nội dung chi được thuyết minh tại mục II dưới đây.

II. Thuyết minh nội dung và mức chi của các chế độ đặc thù

Tại Tờ trình dự thảo Nghị quyết thể hiện mục tiêu cơ bản của việc ban hành Nghị quyết là nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan,

đơn vị được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ gặp phải trong quá trình triển khai thực hiện Quy định số 2915-QĐ/TU; đối với những nội dung, mức chi tại Quy định số 2915-QĐ/TU phù hợp với tình hình thực tế thì tại dự thảo Nghị quyết đã kế thừa theo Quy định này; đối với những nội dung, mức chi tại Quy định số 2915-QĐ/TU chưa phù hợp với thực tế đã được điều chỉnh, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết. Cụ thể, tại dự thảo Báo cáo thuyết minh đã chỉ rõ mặc dù kế thừa quy định đã có nhưng nội dung dự thảo Nghị quyết đã thực hiện sắp xếp, phân nhóm lại đối với các đối tượng, việc này nhằm đảm bảo sự phù hợp và tương đương theo quy định hiện hành trong bộ máy chính trị. Xuất phát từ sự thay đổi này việc thực hiện chế độ đối với một số đối tượng sẽ không tránh khỏi có sự thay đổi so với quy định cũ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc hài hòa, không có sự khác biệt quá lớn giữa các đối tượng trong cùng nhóm đối tượng. Đi vào chi tiết cơ sở đề xuất các chế độ, cụ thể như sau:

1. Chi khám sức khỏe định kỳ

a) Về đối tượng

Đối tượng được hưởng hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ được trình bày tại dự thảo Nghị quyết sẽ không bao gồm đối tượng A1, các đối tượng còn lại vẫn đảm bảo giữ nguyên theo Quy định số 2915-QĐ/TU.

Việc không đưa đối tượng A1 của Quy định số 2915-QĐ/TU vào dự thảo Nghị quyết là do đối tượng lãnh đạo nêu trên đã được hưởng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe toàn diện định kỳ theo khoản 1, mục II Quy định số 121-QĐ/TW ngày 25/01/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (Quy định số 121-QĐ/TW).

Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết sắp xếp đối tượng là “Các đồng chí nguyên chức: Tổng cục trưởng và tương đương trở lên thuộc Trung ương hoặc địa phương khác cư trú trên địa bàn tỉnh” vào nhóm 1 do theo Kết luận 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương chức danh Tổng cục trưởng tương đương với Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh.

b) Về mức chi

Dự thảo Nghị quyết trình bày và phân tách rõ ràng đối tượng, mức chi được hưởng chế độ khám sức khỏe định kỳ, nội dung quy định đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai trong những năm qua và khắc phục được hạn chế còn tồn tại, cụ thể dự thảo Nghị quyết đã giải quyết bài toán phân bổ và bố trí kinh phí, tại dự thảo Nghị quyết mức chi của chế độ khám sức khỏe định kỳ được xây dựng trên cơ sở quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ, danh mục dịch vụ thực hiện trong các gói khám và giá dịch vụ khám chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế của từng dịch vụ (*Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và áp dụng giá khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số*

1266/QĐ-BYT ngày 21/3/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ).

Với mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo triển khai đầy đủ các dịch vụ cho mỗi đối tượng, từ đó phục vụ mục tiêu đánh giá toàn diện sức khỏe cán bộ theo tiêu chuẩn phân loại của Trung ương và công bằng giữa các đối tượng (*trước đây danh mục dịch vụ thực hiện khám đối với đối tượng A cao hơn đối tượng B1 và B; đồng thời các đối tượng chưa được khám đầy đủ các dịch vụ khám sức khỏe định kỳ*). Mặt khác, việc áp giá dịch vụ cho các dịch vụ trong gói khám sức khỏe định kỳ theo giá dịch vụ là tiền đề quan trọng để triển khai thực hiện đặt hàng dịch vụ khám sức khỏe cho cán bộ tỉnh đối với cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

(Danh mục dịch vụ trong gói khám sức khỏe định kỳ đã thực hiện trong giai đoạn 2020-2022 và danh mục dịch vụ trong gói khám sức khỏe định kỳ làm căn cứ đề xuất mức chi trong dự thảo Nghị quyết lần lượt theo Phụ lục số 02 và Phụ lục số 03 kèm theo).

2. Chi thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc tại cơ quan

a) Về đối tượng

So với Quy định số 2915-QĐ/TU, dự thảo Nghị quyết sẽ không quy định việc thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan đối với đối tượng A1, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất thực hiện quy định việc thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan đối với đối tượng khác gồm: “*Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh*”. Việc đề xuất theo phương án trên căn cứ cơ sở sau:

- Thứ nhất, đối tượng A1 tại Quy định số 2915-QĐ/TU đã được hưởng chế độ trên tại gạch đầu dòng thứ tư và gạch đầu dòng thứ 5 tiểu mục 2.1, mục 2, phần II Quy định số 121-QĐ/TW. Ngoài ra, riêng đồng chí Bí thư Tỉnh ủy được hưởng theo Quy định số 32-QĐ/TW ngày 25/12/2006 của Ban Chấp hành Trung ương về chế độ hỗ trợ kinh phí khám, chữa bệnh đối với cán bộ cao cấp.

- Thứ hai, những năm qua trong quá trình thực tế thực hiện nhiệm vụ, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh vẫn đôi khi thực hiện thăm khám, theo dõi sức khỏe cho một số đồng chí lãnh đạo không thuộc diện A1 khi có yêu cầu để đảm bảo đủ sức khỏe công tác.

b) Về mức chi

Đối với mức chi đề xuất trong dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ trên cơ sở số liệu phát sinh bình quân mỗi lượt khám trong những năm qua để đề xuất mức chi tối đa 1 đồng/lần khám, số kinh phí này sẽ để chi trả các khoản chi phí phát sinh như chi phí xét nghiệm, chi phí mua thuốc điều trị.

Ngoài ra, để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách khi triển khai thực hiện các chế độ tại dự thảo Nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đề xuất giới hạn

lần thăm khám, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc cơ quan cho các đối tượng này là 3 lần trong một năm khi có yêu cầu.

3. Chăm sóc sức khỏe cán bộ đi công tác trong nước và công tác nước ngoài

Mặc dù những năm qua trong các đợt công tác trong và ngoài nước chưa phát sinh kinh phí chăm sóc sức khỏe cán bộ thuộc diện hưởng chính sách đi công tác, tuy nhiên, xác định đây vẫn là một nội dung hết sức quan trọng, để đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình triển khai thực tiễn, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất quy định và mức chi thực hiện theo thực tế phát sinh của từng cuộc.

4. Chi thăm hỏi khi điều trị tại Bệnh viện

a) Về đối tượng

Chế độ thăm hỏi khi điều trị tại Bệnh viện được thực hiện đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, trong đó có loại trừ các đối tượng là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, đối tượng công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy.

Lý do: Tại dự thảo Nghị quyết không quy định chế độ thăm viếng đối với đối tượng tại khoản 1 Điều 3 và các đối tượng loại trừ nêu trên vì: Các đối tượng này đều đã được quy định hưởng chế độ thăm hỏi khi điều trị tại Bệnh viện tại Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Ban Chấp hành Trung ương quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (Quy định số 09-QĐ/VPTW) và các Quy định của Tỉnh ủy Bắc Kạn: Số 03-QĐ/TU ngày 10/7/2018 về một số chế độ chi tiêu hoạt động của Tỉnh ủy, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (Quy định số 03-QĐ/TU); số 04-QĐ/TU ngày 10/7/2018 quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc tỉnh (Quy định số 04-QĐ/TU).

b) Về mức chi

Căn cứ tình hình thực tế triển khai chế độ thăm hỏi trong những năm qua và so sánh đối chiếu với quy định thăm hỏi của đối tượng thuộc chính sách khác (*Tại điểm b, khoản 2, Điều 5 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số có quy định “Thăm hỏi, hỗ trợ người có uy tín ốm đau không quá 01 lần/năm. Mức chi ...; không quá 1.500.000 đồng/người/năm đối với cấp tỉnh; không quá 800.000 đồng/người/năm đối với cấp huyện”*), Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức chi thăm hỏi khi điều trị tại bệnh viện thành 02 mức theo như dự thảo Nghị quyết. Việc quy định mức chi tương ứng đối với từng đối tượng đảm bảo quá trình quản lý, sử dụng ngân sách được công khai, minh bạch dễ kiểm tra, kiểm soát.

5. Chi thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán cổ truyền

a) Về đối tượng

Chế độ thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán cổ truyền được thực hiện đối với các đối tượng đã nghỉ hưu thuộc quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, các đối tượng này nguyên là lãnh đạo chủ chốt của tỉnh qua các thời kỳ. So với Quy định số 2915-QĐ/TU, dự thảo Nghị quyết lần này không quy định mức chi tặng quà đối với đối tượng là cán bộ lão thành cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và Anh hùng lao động do các đối tượng này hiện nay đã có chế độ tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 05/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7, Tết Nguyên đán hàng năm đối với người có công với cách mạng và thân nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, đồng thời đối tượng này theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Quy định số 09-QĐ/TW do Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định (Tại Điều 7 Quy định số 03-QĐ/TU đã quy định Ban Thường vụ Tỉnh ủy căn cứ khả năng ngân sách, tình hình thực tế xem xét, quyết định).

b) Về mức chi

Căn cứ tình hình thực tế triển khai chế độ thăm hỏi trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất quy định mức chi thăm hỏi, tặng quà dịp Tết Nguyên đán cổ truyền thành 02 mức theo như dự thảo Nghị quyết.

Thực tế triển khai những năm qua, ngoài tặng quà tiền mặt các đối tượng sẽ nhận thêm một phần quà hiện vật. Để tiếp tục duy trì hoạt động ý nghĩa này, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức tặng quà bằng tiền mặt giữ nguyên theo thực tế triển khai hàng năm, còn đối với quà là hiện vật tăng mức chi là 1.000.000 đồng/suất quà (*các năm giai đoạn 2020-2022 mức quà hiện vật là 600.000 đồng/suất đến 650.000 đồng/suất*), việc tăng mức tiền chi mua quà là phù hợp với tình hình thực tế giá cả thị trường.

5. Chi điều dưỡng

a) Về đối tượng

Điểm mới tại dự thảo Nghị quyết lần này so với Quy định số 2915-QĐ/TU là việc ngân sách địa phương sẽ bố trí kinh phí để tổ chức điều dưỡng cho cả các đồng chí nguyên là Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, cán bộ lão thành cách mạng đi điều dưỡng 2 năm/lần (ngoài chế độ của Trung ương quy định). Việc ban hành chính sách và mở rộng đối tượng thể hiện sự quan tâm và ghi nhận của địa phương đối với những đóng góp, cống hiến của các đối tượng cho sự phát triển của địa phương.

Từ lý do nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất quy định chế độ điều dưỡng đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, đối tượng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3 đã nghỉ hưu và đối tượng tại điểm a, khoản 5, Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

b) Về nội dung chi và mức chi

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất quy định mức chi điều dưỡng tối đa từ nguồn ngân sách địa phương cho đối tượng là cán bộ cấp cao diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh; Phó trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh và cán bộ lão thành cách mạng số tiền 7 triệu đồng/người/lần cho 5 ngày điều dưỡng tại cơ sở điều dưỡng, khoản kinh phí này chưa bao gồm các chi phí khác phát sinh trước và sau thời gian điều dưỡng như: Chi phí đi lại, tiền ăn, tiền nghỉ từ nhà đến địa điểm tập trung; chi phí phát sinh trên đường đến địa điểm điều dưỡng.

Mức chi cho các đối tượng này xây dựng trên cơ sở vận dụng chế độ chi điều dưỡng quy định tại Điều 6, Chương III Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, dự toán các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc tổ chức thực hiện điều dưỡng cho các đối tượng và thực tế đã triển khai qua các năm trong giai đoạn 2020-2022.

6. Chi thăm viếng

a) Về đối tượng

Chế độ thăm viếng được thực hiện đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 (trừ trường hợp thuộc đối tượng đã có chế độ thăm viếng Trung ương quy định), khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị quyết, trong đó có loại trừ các đối tượng là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên, đối tượng công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, huyện ủy, thân nhân đối tượng khoản 1, Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

Lý do: Tại dự thảo Nghị quyết không quy định chế độ thăm viếng đối với đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 3 và các đối tượng loại trừ nêu trên vì: Các đối tượng này đều đã được quy định hưởng chế độ thăm viếng tại Quy định số 09-QĐ/VPTW, Quy định số 03-QĐ/TU, Quy định số 04-QĐ/TU.

b) Về mức chi

Căn cứ mức chi quy định tại Quy định số 09-QĐ/VPTW, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức chi cho các đối tượng đảm bảo tương đồng với đối tượng cùng nhóm đã được quy định mức chi tại Quy định số 09-QĐ/VPTW.

STT	Đối tượng	Đề xuất
1	Đối tượng 1 (trừ đối tượng tại điểm a khoản 1 Điều 3); đối tượng 2 (trừ đối tượng điểm a, Khoản 2 dự thảo Nghị quyết)	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 2 là ủy viên BTV Tỉnh ủy theo Quy định số 09-QĐ/VPTW

STT	Đối tượng	Đề xuất
2	Thân nhân đối tượng 2 nêu trên	Bằng mức chi cao nhất của thân nhân chức danh cùng nhóm đối tượng 2 là ủy viên BTV Tỉnh ủy theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
3	Đối tượng 3 (trừ các trường hợp là tỉnh ủy viên hoặc công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy)	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 3 là ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
4	Thân nhân đối tượng 3 nêu trên	Bằng mức chi cao nhất của thân nhân chức danh cùng nhóm đối tượng 3 là ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
5	Đối tượng 4 (trừ các trường hợp công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy)	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 4 là cán bộ công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
6	Thân nhân đối tượng 4 nêu trên	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 4 là thân nhân cán bộ công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
7	Đối tượng 5	Bằng mức chi cao nhất đối với chức danh cùng nhóm đối tượng hiện nay đang được hưởng là cán bộ lão thành cách mạng vì nhóm đối tượng này số lượng không nhiều và ngày càng giảm
8	Đối tượng 6 (trừ các trường hợp công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc huyện ủy, thành ủy)	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 6 là cán bộ công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc cấp ủy cấp huyện được hưởng tối đa 50% mức của tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW
9	Thân nhân đối tượng 6 nêu trên	Bằng mức chi cao nhất của chức danh cùng nhóm đối tượng 6 là thân nhân cán bộ công tác tại các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc cấp ủy cấp huyện được hưởng tối đa 50% mức của tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW